

Số: 219/KH-MNHD

Bình Phước, ngày 24 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
Giáo dục năm học 2025 - 2026

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non;

Công văn số 1012/SGDDT-GDMN ngày 19/8/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Đồng Nai về việc Hướng dẫn khung Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với Giáo dục mầm non;

Căn cứ quan điểm xây dựng Chương trình giáo dục mầm non và quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm;

Căn cứ vào đặc điểm tình hình thực tế của nhà trường, điều kiện cơ sở vật chất của địa phương.

Trường Mầm non Hoa Đào xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026, như sau:

I. BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thuận lợi

- Đảng và Nhà nước có chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Toàn thể các bộ, ban, ngành đều hiểu được sự cần thiết phải thực hiện đổi mới chương trình giáo dục để thay đổi vận mệnh và sự phát triển của quốc gia. Các cấp lãnh đạo đã có những phối hợp xây dựng văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện các điều kiện như xây dựng CSVC, trang thiết bị dạy học.

- Chương trình GDMN là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường. Bộ Giáo dục và Đào tạo trao quyền chủ động cho các cơ sở GDMN, giáo viên trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung, phương pháp giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với quan điểm, mục tiêu của Chương trình GDMN, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của cơ sở GDMN, khả năng và nhu cầu của trẻ, theo quy định của pháp luật để phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

- Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và sự tuyên truyền của các cấp, của nhà trường nên xã hội và phụ huynh học sinh đã nắm bắt được những lộ trình cũng như các điều kiện cần có để đáp ứng thực hiện đổi mới chương trình GDMN.

- Các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền rất quan tâm đến việc phát triển giáo dục tại địa phương;

- Chính quyền địa phương luôn quan tâm đến các hoạt động giáo dục của nhà trường (đảm bảo an ninh trật tự trường học, giáo dục ATGT, các hoạt động trải nghiệm, ...).

1.2. Khó khăn

- Cơ sở vật chất, kỹ thuật chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu trong giai đoạn đổi mới hiện nay.

- Cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng dạy học chưa phong phú, đa dạng.

- Một số cha mẹ trẻ chưa thực sự chú ý đến sự phát triển thiếu cân bằng của trẻ, chưa đưa trẻ đi khám tư vấn và can thiệp kịp thời.

2. Bối cảnh bên trong

2.1. Điểm mạnh

- Các phòng học đều được trang bị ti vi, có kết nối mạng internet, thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giáo dục. Có đủ các học liệu cơ bản phục vụ cho các hoạt động của trẻ tại trường.

- Trường có sân chơi rộng rãi, thoáng mát đảm bảo cho trẻ vui chơi và luyện tập thể dục thể thao.

- Tỷ lệ giáo viên/lớp đảm bảo theo quy định. Có 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo.

- Trường tranh thủ sự chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo, các ban, ngành, đoàn thể của địa phương. Tạo được mối quan hệ tốt và phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ trẻ.

- Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình, năng động, sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Trẻ được tham gia các hoạt động đúng độ tuổi, trẻ ngoan, có khả năng nhận thức tốt.

2.2. Điểm yếu

- Năng lực chuyên môn của giáo viên chưa đồng đều, việc tự học, tự rèn luyện của một số giáo viên chưa thật hiệu quả, chưa sáng tạo trong công việc, đổi mới phương pháp giáo dục trẻ chưa rõ nét.

- Nề nếp thói quen và kỹ năng tự phục vụ của một số trẻ còn hạn chế do trẻ ở nhà được nuông chiều và do một số trẻ phát triển chưa đồng đều còn chậm về ngôn ngữ, vận động hay nhận thức, ...

- Sân chơi chưa đảm bảo an toàn do xây dựng lâu năm.

3. Quy mô phát triển giáo dục

3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2025 - 2026

Khối lớp	Số lớp, số học sinh	
	Số nhóm/lớp	Số học sinh
Nhóm trẻ	01	14

Mầm	02	54
Chồi	02	79
Lá	04	122
Tổng	9	269

3.2. Cơ sở vật chất, kỹ thuật

- Tổng số phòng học: 09 phòng.
- Nhà trường có khối hành chính quản trị, gồm các phòng: 01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng nhân viên, 01 văn phòng, 01 phòng hành chính quản trị, 01 phòng bảo vệ.
- Khối phụ trợ gồm: 01 phòng họp, 01 phòng y tế, 01 nhà kho.
- Bếp ăn đạt tiêu chuẩn bếp ăn một chiều, có đủ các thiết bị cần thiết để phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.
- Các phòng học được trang bị các thiết bị đồ dùng dạy học theo Danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Tổng số: 33 người, trong đó:

- Ban giám hiệu: 03 người, trong đó: 3/3 có trình độ đại học.
- Giáo viên: 20 người, trong đó: trình độ đại học: 19/20, tỷ lệ 95%; trình độ cao đẳng: 01/20, tỷ lệ 5%.
- Nhân viên nấu ăn: 06 người; nhân viên bảo vệ: 02 người; nhân viên khác: 02 người (01 kế toán, 01 phục vụ).
- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, đoàn kết, chuyên môn vững vàng, trình độ chuẩn và trên chuẩn đạt cao, đủ điều kiện phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3.4. Cơ cấu tổ chức chuyên môn

Số tổ chuyên môn: 5 tổ

- Tổ 1: Tổ khối Mầm - Nhà trẻ, gồm 07 giáo viên.
- Tổ 2: Tổ khối Chồi, gồm 05 giáo viên.
- Tổ 3: Tổ khối Lá, gồm 8 giáo viên.
- Tổ nấu ăn, gồm 06 nhân viên.
- Tổ văn phòng gồm có 03 BGH và 04 nhân viên

3.5. Định hướng thực hiện Chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

a) Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

- Tổ chức ăn:

+ Tập trung đầu tư trang thiết bị chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Xây dựng chế độ ăn, đảm bảo khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, đảm bảo chất lượng bữa ăn và vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

+ Nước uống đảm bảo đủ lượng theo quy định.

+ Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cha mẹ trẻ cho trẻ ăn bán trú tại trường.

- Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi (đối với nhóm trẻ) và ngủ một giấc buổi trưa (đối với mẫu giáo).

- Vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, lớp nhóm, đồ dùng, đồ chơi; giữ nguồn nước sạch và xử lý rác, nước thải.

- Chăm sóc sức khỏe và an toàn:

+ Khám sức khỏe định kỳ, theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

+ Phòng tránh các bệnh thường gặp; theo dõi tiêm chủng.

+ Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

b) Giáo dục

- Thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình GDMN.

- Thực hiện đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, phát huy được tính chủ động sáng tạo của trẻ, tăng cường rèn kỹ năng sống cho trẻ, kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề trong sinh hoạt. Áp dụng phương pháp giáo dục STEAM, kết hợp hài hòa giữa phương pháp truyền thống với cách tiếp cận giáo dục hiện đại để đưa vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, của lớp phù hợp với thực tế của địa phương và của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ tạo cơ hội cho giáo viên phát huy tính chủ động sáng tạo trong tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm cho trẻ.

- Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, tạo điều kiện cho các tổ chuyên môn, giáo viên được chủ động cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT sao cho phù hợp với văn hóa của địa phương, điều kiện của nhà trường, của nhóm lớp và đặc biệt là khả năng, nhu cầu của trẻ.

c) Cho trẻ làm quen với tiếng Anh và tiếp cận công nghệ số

- Hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh theo nhu cầu và khả năng của trẻ, góp phần chuẩn bị tốt hơn cho việc học tiếng Anh ở bậc tiểu học. Tạo cơ hội cho trẻ tiếp xúc các nền văn hóa khác; góp phần thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục mầm non ở nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ.

- Lồng ghép các hoạt động cho trẻ tiếp cận với công nghệ số giúp trẻ có khả năng tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại, ... và thao tác mở một số chương trình, phần mềm dành cho trẻ mầm non như: phần mềm Kidsmart, phần mềm EduQuest, bàn phím chiếu sáng, ...

d) Tiếp cận giáo dục giới

- Tổ chức các hoạt động giúp trẻ nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau, ...
- Trẻ biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình, ...
- Nhận diện được các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới, bạo hành và xâm hại tình dục.

II. MỤC TIÊU CHUNG

- Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị hành trang cho trẻ bước vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

- Nhằm phát triển phẩm chất năng lực của trẻ phù hợp với mục tiêu Chương trình GDMN và liên thông với Chương trình giáo dục phổ thông.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Kết quả

a) Chăm sóc, nuôi dưỡng

Tổng số trẻ	Cân nặng						Chiều cao					
	BT	Tỷ lệ	Nhẹ cân	Tỷ lệ	Nặng hơn tuổi	Tỷ lệ	BT	Tỷ lệ	Thấp còi	Tỷ lệ	Cao hơn tuổi	Tỷ lệ
262	232	88,55	13	4,96	17	6,48	254	96,95	8	3,5	0	0

b) Giáo dục (Cuối năm học 24-25)

Tổng số trẻ	PT Thể chất		PT Nhận thức		PT Thẩm mỹ		PT Ngôn ngữ		PT TC - XH	
	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt
287										
	269	18	267	20	269	18	274	13	274	13
Tỷ lệ	93,72	6,27	93,03	6,96	93,72	6,27	95,65	4,35	95,65	4,35

2. Mục tiêu, nội dung Chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục

2. 1. Độ tuổi 25 - 36 tháng tuổi (nhóm trẻ)

2.2. Độ tuổi 3 - 4 tuổi (khối mầm)

2.3. Độ tuổi 4 - 5 tuổi (khối chồi)

2.4. Độ tuổi 5 - 6 tuổi (khối lá)

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kế hoạch giáo dục và dự kiến các chủ đề trong năm của độ 24-36 tháng (Nhóm trẻ)

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục	Ghi chú
I. Giáo dục phát triển thể chất				
a) Phát triển vận động				
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp				
1	MT1	1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	Hoạt động khác: Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vận người sang 2 bên.	
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu				
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	Hoạt động học: + Đi bước qua gậy kê cao + Đứng co một chân + đi trong đường hẹp + Đi theo hiệu lệnh.	
3	MT3	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	+ Đi có bề vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. - Đi theo đường ngoằn ngoèo -Đi bước vào các ô - Đi kết hợp với chạy	
4	MT4	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	Đi đích dốc - Chạy đổi hướng Đi kiểm chân	

5	MT5	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng:	Bước lên xuống bậc cao 15cm Bước lên xuống bậc có vịn Bước qua vật cản Bước qua dây Đi theo hướng thẳng + Tung bóng bằng hai tay + Tung bóng qua dây + Tung bắt bóng cùng cô + Chuyển bóng qua đầu + Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ + Bật xa bằng hai chân + Bật qua vật cản + Bật qua các vòng + Lăn bóng bằng 2 tay + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản. + Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bò bằng bàn tay bàn chân + Bò đích dắc qua 3-4 hộp + Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m). + Ném xa bằng hai tay + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích.	
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay				
6	MT6	3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	Hoạt động khác: - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rút, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình.	
7	MT7	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các		

		hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. Xoay tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rút, nhào, khuấy, đảo, vò xé.	- Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt				
8	MT8	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	Hoạt động khác: - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Tập một số thao tác đơn giản tron - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.	
9	MT9	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.		
10	MT10	1.3. Đi vệ sinh đúng nơi qui định.		

			- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định.	
2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe				
11	MT11	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	Hoạt động khác: - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	
12	MT12	2.2. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh. Có thói quen tốt trong việc chăm sóc sức khỏe bản thân		
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn				
13	MT13	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giềng) khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	
14	MT14	3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.		
II. Giáo dục phát triển nhận thức				
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan				
15	MT15	1. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Hoạt động học: - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu	

16	MT16	2.1 Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. Hoạt động khác: - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (mặn - ngọt – chua) - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi			
17	MT17	2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	Hoạt động học: - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số loại rau củ quả, hoa, quả, con vật. - Tên đặc điểm, của một số PTGT đường bộ, đường thủy, đường hàng không, công dụng của nó - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. Trẻ nói được tên trường, nhóm/lớp mình đang học. - Tên, dụng cụ, đặc điểm một số công việc của nghề bác sĩ - Biết chủ bộ đội, trang phục của chú, biết ngày 22/12 là ngày thành lập quân đội nhân dân Việt nam - Biết mình lên 3 tuổi sẽ lên lớp mẫu giáo và làm quen với sách, màu.. các dụng cụ học tập, biết mình đã lớn nên ngoan hơn vâng lời hơn - Tên của cô giáo, các bạn trong lớp đang học. - Tên gọi, chất dinh dưỡng của một số nhóm thức ăn: chất đạm, chất bột, chất béo, vitamin - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
18	MT18	2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	
19	MT19	2.4. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, các loại hoa, quả, cây xanh, rau củ quả, con vật quen thuộc.	
20	MT20	2.5. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	
21	MT21	2.6. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	
22	MT22	2.7. Nói được tên trường, nhóm/lớp mình đang học.	
23	MT23	2.8. Trẻ nói được tên, dụng cụ, đặc	

		điểm một số công việc của nghề Bác sĩ	-Tên cô giáo, công việc hàng ngày của cô giáo, biết được ý nghĩa của ngày 20/11 là ngày tết của các thầy cô giáo.
24	MT24	2.9. Trẻ nói được tên các chú bộ đội, trang phục của các chú, biết ngày 22/12 là ngày thành lập quân đội nhân dân Việt nam	- Trẻ nhận ra được mùa xuân đến, đặc điểm của mùa xuân đến có muôn hoa đua nở, cây cối đâm chồi nảy lộc, chim hót líu lo. - Trẻ biết chuẩn bị cho ngày tết sắp đến như: mua quần áo mới, dọn và trang trí nhà... -Trẻ biết ngày tết cổ truyền được mặc quần áo mới đi chúc tết, được lì xì, được ăn các loại bánh, kẹo như bánh chưng, các loại mứt...
25	MT25	2.10. Trẻ biết mình lên 3 tuổi sẽ lên lớp mẫu giáo và làm quen với sách, màu.. các dụng cụ học tập, biết mình đã lớn nên ngoan hơn vâng lời hơn	- Trẻ biết ngày tết trung thu là ngày 15/8 âm lịch hàng năm. Trẻ biết ngày tết trung thu bé đi rước đèn, xem múa lân và được phá cỗ và các hoạt động khác của ngày trung thu -Ngày 8/3 là ngày quốc tế phụ nữ, là ngày của mẹ,của bà của chị và ý nghĩa của ngày 8/3
26	MT26	2.11. Nói được tên của cô giáo, các bạn trong nhóm/ lớp.	-Nhận biết ngày và đêm, mặt trời mặt trăng, một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. -Một số nguồn nước: nước giếng, nước máy, nước sông, nước ao,nước mưa. lợi ích của nước đối với đời sống con người, thiên nhiên, con vật.
27	MT27	2.12. Nói được tên gọi, chất dinh dưỡng của một số nhóm thức ăn: chất đạm, chất bột, chất béo , vitamin.	- Mùa hè đến có ve kêu, hoa phượng đỏ nở rực rỡ, không khí trở nên nóng nực - Một số trang phục của mùa hè: váy ngắn, quần đùi, áo ba lỗ... biết sử dụng và bảo quản trang phục.
28	MT28	2.13. Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, màu sắc, lợi ích của một số đồ dùng trong gia đình.	- Tên di tích lịch sử, đặc điểm nổi bật của các di tích như... Tượng đài, núi bà rá... gọi tên , đặc điểm ngoại hình nổi bật, một số đồ dùng cá nhân của Bác Hồ như: Mũ, nón, dép cao su...
29	MT29	2.14. Nói được tên cô giáo công việc hàng ngày của cô giáo, biết được ý nghĩa của ngày 20/11	Xác định vị trí trong không gian (trên – dưới; trước – sau) so với bản thân trẻ Hoạt động khác: - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.
30	MT30	2.15. Nhận ra được mùa xuân đến, đặc điểm của mùa xuân đến có muôn hoa đua	- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn)

		nở, cây cối đâm chồi nảy lộc, chim hót líu lo. Chuẩn bị cho ngày tết sắp đến	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
31	MT31	2.16. Trẻ hiểu được ý nghĩa của các ngày lễ, hội, tết cổ truyền	- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng
32	MT32	2.17. Trẻ nói được ngày 8/3 là ngày quốc tế phụ nữ, là ngày của mẹ, của bà của chị và ý nghĩa của ngày 8/3	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.
33	MT33	2.18. Trẻ biết ngày và đêm, mặt trời mặt trăng, trẻ biết 1 số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn)
34	MT34	2.19. Trẻ biết kể ra một số nguồn nước, lợi ích của nước đối với đời sống con người, thiên nhiên, con vật.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
35	MT35	2.20. Trẻ biết mùa hè đến có ve kêu, hoa phượng đỏ nở rộ, không khí trở nên nóng nực	
36	MT36	2.21. Trẻ biết tên gọi một số trang phục của mùa hè, biết sử dụng và bảo quản trang phục.	
37	MT37	2.22. Trẻ nói được một số đặc điểm nổi bật di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của Bình Phước	
38	MT38	2.23. Trẻ biết gọi tên	

		, đặc điểm ngoại hình nổi bật, một số đồ dùng cá nhân của Bác Hồ như: Mũ, nón, dép cao su...		
39	MT39	2.24. Trẻ biết xác định vị trí trong không gian (trên – dưới; trước – sau) so với bản thân trẻ		
40	MT40	2.24. Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có hình tròn / hình vuông theo yêu cầu		
41	MT41	2.25. Trẻ biết số lượng một – nhiều		
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ				
1. Nghe hiểu lời nói				
42	MT42	1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	Hoạt động học: - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?... - Xem tranh và gọi Tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	
43	MT43	1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)		
44	MT44	1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.		
			Hoạt động khác: - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ Tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? Làm gì? để Làm gì? ở đâu? như thế nào? - Phát âm các âm khác nhau. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm,	

			hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?... - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng - Lắng Nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi Tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Nghe các câu hỏi: cái gì? Làm gì? để Làm gì? ở đâu? như thế nào? - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ Tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe các câu hỏi: cái gì? Làm gì? để Làm gì? ở đâu? như thế nào? - Phát âm các âm khác nhau. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng - Lắng Nghe khi người lớn đọc sách.	
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu				
45	MT45	2.1. Phát âm rõ tiếng.	Hoạt động học: - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Phát âm các âm khác nhau. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	
46	MT46	2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	Hoạt động khác: - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? Làm gì? để Làm gì? ở đâu? như thế nào? - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?... - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết	

			bằng - Lắng Nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi Tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp				
47	MT47	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	Hoạt động học: - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. Hoạt động khác: - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng - Lắng Nghe khi người lớn đọc sách. -- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	
48	MT48	3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: -Chào hỏi, trò chuyện. -Bày tỏ nhu cầu của bản thân. -Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...		
49	MT49	3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép.		
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ				
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân				
50	MT50	1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	Hoạt động học: - Nhận biết Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. Hoạt động khác: - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	
51	MT51	1.2 Thể hiện điều mình thích và không thích.		
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi				
52	MT52	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	Hoạt động học: - Quan tâm đến các vật nuôi. Hoạt động khác:	

53	MT53	2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Giao tiếp với những người xung quanh. - Một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	
54	MT54	2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		
55	MT55	2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.		
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản				
56	MT56	3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.	Hoạt động học: - Nhận biết Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Quan tâm đến các vật nuôi. - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. Hoạt động khác: - thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói - Xem tranh. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.	
57	MT57	3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).		
58	MT58	3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.		
59	MT59	3.4. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.		

			- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.	
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh				
60	MT60	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	Hoạt động học: - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	
61	MT61	4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	Hoạt động khác: - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.	

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	CHỦ ĐỀ	CĐ NHÁNH	TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Trường MN (2 Tuần)	Trường MN của bé. Lớp học của bé	1 2	8/9- 12/9/2025 15- 19/9/2025
2	Bản Thân (3T)	Bé ăn gì mau lớn Bé vui tết trung thu Các bộ phận trên cơ thể	3 4 5	22/9 - 26/9/2025 29/9 - 03/10/2025 06/10 - 10/10/2025
3	Gia đình của bé (3T)	Ngôi nhà của bé Những người thân yêu của bé Đồ dùng của gia đình bé	6 7 8	13/10 - 17/10/2025 20/10 -24/10/2025 27/10 - 31/10/2025
4	Nghề nghiệp và lễ hội 20/11 (4T)	Chú công nhân xây dựng Cô giáo là mẹ hiền.. Bé thích làm bác sĩ Ước mơ của bé	9 10 11 12	03/11- 7/11/2025 10/11 - 14/11/2025 17/11 - 21/11/2025 24/11 - 28/11/2025

5	Giao thông (4T)	Bé học luật giao thông	13	01/12 - 5/12/2025
		PTGT đường bộ	14	8/12 - 12/12/2025
		PTGT đường thủy	15	15/12 - 19/12/2025
		Ngày thành lập Quân đội nhân VN	16	22/12 - 26/12/2025
6	Thế giới thực vật (4T)	Em yêu Cây xanh	17	29/12 - 2/1/2026
		Những bông hoa xinh	18	5/01 – 9/1/2026
		Bé thích quả nào	19	12/1 - 16/1/2026
		Sắc màu rau củ	20	19/1 - 23/1/2026
7	Tết và mùa xuân (2T)	Mùa xuân đến rồi	21	26/1 – 30/1/2026
		Chuẩn bị đón tết	22	02/2 - 06/2/2026
		Bé vui đón tết	23	09/2 - 13/2/2026
		NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN 2 tuần		16/2 đến 27/2/2026
8	Động vật quanh bé (5T)	Ngày hội của bà , mẹ và cô giáo	24	2/3 - 6/03/2026
		Một số con vật nuôi trong gia đình		9/3 -13/03/2026
		Những con vật sống trong rừng	25	16/3 - 20/3/2026
		Động vật sống dưới nước		23/3 - 27/3/2026
		Các loài côn trùng	26	30/3 - 3/4/2026
			27	
		28		
9	Hiện tượng thiên nhiên (4T)	Một số nguồn nước	29	6/4 - 10/04/2026
		Thời tiết và khí hậu	30	13/4 -17/04/2026
		Mùa hè đến rồi	31	20/4 -24/04/2026
		Trang phục mùa hè	32	27/4 - 1/5/2026
10	Quê hương- Bác hồ kính yêu (3T)	Bình phước quê em	33	4/5- 8/05 /2026
		Bé lên mẫu giáo	34	11/5-15/05/2026
		Bác Hồ Kính yêu	35	18/5 - 22/5/2026
Tổng cộng			35	

2. Kế hoạch giáo dục và dự kiến các chủ đề trong năm của độ tuổi 3-4 tuổi (Khối mầm)

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục	Ghi chú
I. Giáo dục phát triển thể chất				
a) Phát triển vận động				
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp				
1	MT1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Hoạt động khác: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Cúi về phía trước. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.	
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động				
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m.	Hoạt động học: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) + Đi kiễng gót liên tục 3m. Đi theo hiệu lệnh - Đi có mang vật trên tay	

		-Đi theo hiệu lệnh -Đi có mang vật trên tay -Đi bước vào các ô - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi bước qua gậy kê cao - Đứng co 1 chân	- Đi bước vào các ô - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi bước qua gậy kê cao - Đứng co 1 chân + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. +Bật xa 20 - 25 cm. + Trườn về phía trước.	
3	MT3	2.2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20-25cm - Bật qua vạch kẻ - Bật qua vật cản - Bật qua các vòng	+Bật qua vạch kẻ + - Bật qua vật cản - Bật qua các vòng - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài. - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	
4	MT4	2.3. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	- Lăn bóng và bắt bóng với cô + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Ném trúng đích bằng 1 tay + Ném xa bằng 1 tay + Trườn về phía trước. + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	
5	MT5	2.4. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm) - Lăn bóng và bắt bóng với cô	+ Bò chui qua cổng +Bò theo hướng thẳng +Trườn theo hướng thẳng + Trườn về phía trước - Bước lên, xuống bậc cao + Bò trườn qua vật cản + Bò bằng bàn tay, bàn chân +Bò đích dắc qua 3-4 hộp	

		- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang hàng dọc	+ Ném bóng về phía trước +Ném bóng trúng đích Bò chui qua cổng, ống dài 1,2mx6m	
6	MT6	2.5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném xa bằng 1 tay - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. -Bò chui qua cổng - Bò theo hướng thẳng - Trườn theo hướng thẳng - Trườn về phía trước - Bước lên, xuống bậc cao - Bò trườn qua vật cản - Bò bằng bàn tay, bàn chân - Bò đích dắc qua 3-4 hộp - Ném bóng về phía trước - Ném bóng trúng đích - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2mx6m		
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt				
7	MT7	3.1. Thực hiện được	Hoạt động khác:	

		các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đang ngón tay vào nhau.	- Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút.	
8	MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ. - Tự cài, cởi cúc.	- Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc.	

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

9	MT9	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	Hoạt động khác: - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Trò chuyện về một số thực phẩm quen thuộc trong các bữa ăn hàng ngày của trẻ, ích lợi của việc ăn các món ăn hàng ngày và luyện tập sức khỏe - Vẽ, dán các món ăn, tô màu các món ăn, nặn: bánh mì, quả chuối - Lập bảng phân biệt các nhóm thực phẩm chất đạm, vitamin và khoáng chất, xem tranh ảnh, trò chuyện về các món ăn, làm sách về các	
10	MT10	1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...		
11	MT11	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.		

			món ăn - TC: Ai nói nhanh, bé gọi tên đúng, bé thích ăn gì? xây dựng thực đơn cho bé, Người nội trợ giỏi, Chuyển thực phẩm về kho; Bé cần ăn những gì? - Các món ăn đặc trưng trong ngày Tết cổ truyền. - Những món ăn bé thích - Bữa ăn của gia đình bé - Nhận biết một số món ăn quen thuộc hằng ngày ở nhà và ở trường; - Nhận biết một số món ăn trong tiệc Buffet mừng các Lễ hội lớn của trường Việt Triều và của đất nước; - Phối hợp với phụ huynh tổ chức “Ngày hội ẩm thực” trong dịp Tết cổ truyền, ngày Hội gia đình. - Phối hợp với PH tổ chức “Hội chợ quê” cho trẻ thưởng thức các món đặc sản đến từ các vùng miền. - Nghe kể chuyện: Thức ăn nói gì? - Bé ăn gì cho mắt sáng? - Chọn thức ăn có lợi cho sức khỏe. + Sử dụng bát thìa đúng cách - Giáo dục trẻ mời Cô mời bạn trước khi ăn, ăn từ tốn, không đùa nghịch và không làm đổ vãi thức ăn. - Xem clip về các hành vi ăn uống văn minh lịch sự; - Hướng dẫn trẻ tự lấy đồ ăn mình thích và biết chờ đến lượt trong các bữa tiệc Buffet và tiệc Sinh nhật.	
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt				
12	MT12	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng.	Hoạt động khác: - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	

		- Tháo tất, cởi quần, áo...	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	
13	MT13	2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. Trẻ biết sử dụng bát, thìa,cốc đúng cách	
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe				
14	MT14	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	Hoạt động khác: Trẻ biết ăn chín uống sôi - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	
15	MT15	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.		
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh				
16	MT16	4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Trẻ biết và tránh một số vật dụng nguy hiểm - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	
17	MT17	4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.		
18	MT18	4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:		

		- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.		
II. Giáo dục phát triển nhận thức				
a) Khám phá khoa học				
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng				
19	MT19	1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; con vật, cây cối, phương tiện giao thông hay đặt câu hỏi về đối tượng.	Hoạt động học: - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối, phương tiện giao thông quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	
20	MT20	1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.		
21	MT21	1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.		
22	MT22	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng		

		nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng như con vật cây cối, phương tiện giao thông		
23	MT23	1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật như nước, ngày và đêm		

2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản

24	MT24	2. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi về con vật, cây cối	Hoạt động học: - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	
----	------	--	---	--

3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

25	MT25	3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	Hoạt động học: - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	
26	MT26	3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	Hoạt động khác: - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1. Nhận biết số đếm, số lượng

27	MT27	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	Hoạt động học: - 1 và nhiều. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	
28	MT28	1.2. Đếm trên các đối	Hoạt động khác:	

		tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe).	
29	MT29	1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	
30	MT30	1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.		
31	MT31	1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.		
2. Sắp xếp theo qui tắc				
32	MT32	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	Hoạt động học: - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	
3. So sánh hai đối tượng				
33	MT33	3. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	Hoạt động học: Trẻ biết so sánh to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	
4. Nhận biết hình dạng				
34	MT34	4. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	Hoạt động học: - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.	
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian				
35	MT35	5. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí	Hoạt động học:	

		của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	
c) Khám phá xã hội				
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng				
36	MT36	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. - Tên lớp mẫu giáo, Tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	
37	MT37	1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.		
38	MT38	1.4. Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương				
39	MT39	2. Kể tên và nói được đặc điểm, sản phẩm, ích lợi của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	Hoạt động học: - Tên gọi, đặc điểm, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh				
40	MT40	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, ngày tết của cô giáo, ngày quốc tế phụ nữ, tết thiếu nhi, ngày tết nguyên đán... qua trò chuyện, tranh ảnh.	Hoạt động học: - một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, tết thiếu nhi... qua trò chuyện, tranh ảnh. Hoạt động khác: - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	
41	MT41	3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.		

III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

1. Nghe hiểu lời nói

42	MT42	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	Hoạt động học: - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi Hoạt động khác: - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	
43	MT43	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...		
44	MT44	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.		
45	MT45	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.		

2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày

46	MT46	2.1. Nói rõ các tiếng.	Hoạt động học: - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe Hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. Hoạt động khác: - Phát âm các tiếng của Tiếng Việt. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được	
47	MT47	2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...		
48	MT48	2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.		
49	MT49	2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...		
50	MT50	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...		
51	MT51	2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người		

		lớn.	nghe.	
52	MT52	2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.		
53	MT53	2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.		
54	MT54	2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.		

3. Làm quen với đọc, viết

55	MT55	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	Hoạt động học: - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Hoạt động khác: - Giữ gìn sách.	
56	MT56	3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.		
57	MT57	3.3. Thích vẽ, 'viết' nguệch ngoạc.		

IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

1. Thể hiện ý thức về bản thân

58	MT58	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.	Hoạt động khác: - những điều bé thích, không thích. - Tên, tuổi, giới tính.	
59	MT59	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.		

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

60	MT60	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	Hoạt động khác: - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	
61	MT61	2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,		

		...).		
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh				
62	MT62	3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	Hoạt động học: - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Hoạt động khác: - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Kính yêu Bác Hồ.	
63	MT63	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.		
64	MT64	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.		
65	MT65	3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.		
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội				
66	MT66	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	Hoạt động khác: - chơi hoà thuận với bạn. - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. - Nhận biết hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".	
67	MT67	4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.		
68	MT68	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.		
69	MT69	4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.		
5. Quan tâm đến môi trường				
70	MT70	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	Hoạt động khác: - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	

71	MT71	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	Giữ gìn bảo vệ môi trường	
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ				
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật				
72	MT72	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	Hoạt động học: - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. Hoạt động khác: vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc	
73	MT73	1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện		
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình				
74	MT74	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	Hoạt động học: - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Trẻ biết nhận xét sản phẩm của bạn và của mình Hoạt động khác: Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	
75	MT75	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).		
76	MT76	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.		
77	MT77	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.		
78	MT78	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để		

		tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.		
79	MT79	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.		
80	MT80	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.		

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

81	MT81	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	Hoạt động học: - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình. Hoạt động khác: Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	
82	MT82	3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.		
83	MT83	3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.		

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC 2025– 2026

STT	CHỦ ĐỀ	CD NHÁNH	TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Trường MN (2 Tuần)	Trường MN của bé.	1	8/9- 12/9/2025
		Lớp học của bé	2	15- 19/9/2025
2	Bản Thân (4T)	Bé tự giới thiệu	3	22- 26/9/2025
		Cơ thể và các giác quan.	4	29/9 - 3/10/2025
		Bé vui hội trăng rằm	5	6- 10/10/2025
		Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	6	13- 17/10/2025
3	Gia đình của bé (3T)	Ngôi nhà của bé	7	20 -24/10/2025
		Những người thân yêu của bé	8	27 - 31/10/2025
		Đồ dùng của gia đình bé	9	3- 7/11/2025
4	Nghề nghiệp và lễ hội 20/11	Bé yêu bác nông dân	10	10 - 14/11/2025
		Cô giáo là mẹ hiền..	11	17 - 21/11/2025

	(4T)	Bé thích làm bác sĩ	12	24 - 28/11/2025
		Ước mơ của bé	13	1 - 5/12/2025
5	Giao thông (4T)	Bé học luật giao thông	14	8 - 12/12/2025
		PTGT đường bộ	15	15 - 19/12/2025
		Ngày thành lập QĐNDVN	16	22 - 26/12/2025
		PTGT đường hàng không - PTGT đường thủy	17	29/12 - 2/1/2026
6	Thế giới thực vật (4T)	Em yêu Cây xanh	18	5 - 9/1/2026
		Những bông hoa xinh	19	12- 16/1/2026
		Bé thích quả nào	20	19- 23/1/2026
		Sắc màu rau củ	21	26- 30/1/2026
7	Tết và mùa xuân (2T)	Mùa xuân đến rồi	22	2 - 6/2/2026
		Bé vui đón tết	23	9 - 13/2/2026
		NGHỈ TẾT 2 tuần		16/2- 27/2/2026
8	Động vật quanh bé (5T)	Ngày quốc tế phụ nữ	24	2 - 6/03/2026
		Một số con vật nuôi trong gia đình	25	9 -13/03/2026
		Những con vật sống trong rừng	26	16 - 20/3/2026
		Động vật sống dưới nước	27	23 - 27/3/2026
		Các loài côn trùng	28	30/3 - 3/4/2026
9	Hiện tượng thiên nhiên (4T)	Một số nguồn nước	29	6 - 10/04/2026
		Thời tiết và khí hậu	30	13 -17/04/2026
		Ánh sáng quanh em	31	20 -24/04/2026
		Mùa hè đến rồi	32	27/4 - 1/5/2026
10	Quê hương- Bác hồ kính yêu (3T)	Đồng Nai quê em	33	4/5- 8/05 /2026
		Bình Phước thân yêu	34	11-15/05/2026
		Bác Hồ Kính yêu - Ngày quốc tế thiếu nhi	35	18 - 22/5/2026
Tổng cộng			35	

3. Điều chỉnh kế hoạch giáo dục năm và dự kiến các chủ đề trong năm của độ tuổi 4 - 5 tuổi (Khối chồi)

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục	Ghi chú
I. Giáo dục phát triển thể chất				
a) Phát triển vận động				
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp				
1	MT1	1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Hoạt động khác: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). - Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải.	
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động				
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.	Hoạt động học: + Chạy chậm 60 - 80m. + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò dích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. Hoạt động khác: - Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	
3	MT3	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật	+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m.	

		chuẩn đặt đích dắc). Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m. - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.	+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 giống thang. + Tung bóng lên cao và bắt. - Bật + Bật liên tục về phía trước. - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30	
4	MT4	2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 giống thang. - Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích	- 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m. - Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m. + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.	

		bằng 1 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.		
5	MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. -BAT - nhảy: + BAT liên tục về phía trước. + BAT xa 35 - 40cm. + BAT - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + BAT tách chân, khép chân qua 5 ô. + BAT qua vật cản cao 10 - 15cm.		
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt				
6	MT6	3.1. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	Hoạt động khác: - Vo, xoay, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nới... - Gập giấy. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình.	
7	MT7	3.2. Phối hợp được	- Lắp ghép hình.	

		cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe				
8	MT8	1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	Hoạt động khác: - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.	
9	MT9	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		
10	MT10	1.3. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.		
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt				
11	MT11	2.1. Thực hiện được một số việc khi được	Hoạt động khác:	

		nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không làm rơi vãi đồ ăn	
12	MT12	2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.		

3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe

13	MT13	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	Hoạt động khác: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	
14	MT14	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.	

4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh

15	MT15	4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.		
16	MT16	4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	Hoạt động học: - Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. Hoạt động khác: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	
17	MT17	4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	

II. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng

18	MT18	1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?... Hoạt động học: - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh như: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?.... Hoạt động khác:	
19	MT19	1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. Hoạt động khác: - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	
20	MT20	1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu. Hoạt động khác: - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu	

2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản

21	MT21	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn” Hoạt động khác: Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”	
22	MT22	2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn. Hoạt động khác: - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	

3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

23	MT23	3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Hoạt động khác: - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.
24	MT24	3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1. Nhận biết số đếm, số lượng

25	MT25	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	Hoạt động học:
26	MT26	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
27	MT27	1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
28	MT28	1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...). Hoạt động khác: - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
29	MT29	1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	
30	MT30	1.6. Sử dụng các số	

		từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.		
31	MT31	1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.		
2. Sắp xếp theo qui tắc				
32	MT32	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	Hoạt động học: - Xếp tương ứng 1 -1, ghép đôi.	
3. So sánh hai đối tượng				
33	MT33	3. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	Hoạt động học: - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.	
4. Nhận biết hình dạng				
34	MT34	4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,).	Hoạt động học: - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	
35	MT35	4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	Hoạt động khác: - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian				
36	MT36	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	Hoạt động học: - phía sau; phía trên - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	
37	MT37	5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Hoạt động khác: - phía dưới; phía phải	

c) Khám phá xã hội

1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng

38	MT38	1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên, địa chỉ của trường lớp khi được hỏi, trò chuyện Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. Hoạt động khác: - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	
39	MT39	1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. Biết một số đồ dùng trong gia đình		
40	MT40	1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.		
41	MT41	1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		
42	MT42	1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
43	MT43	1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		

2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương

44	MT44	2. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động khác: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	
----	------	---	---	--

3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh				
45	MT45	3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	Hoạt động khác: Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội. - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.	
46	MT46	3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.		
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ				
1. Nghe hiểu lời nói				
47	MT47	1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	Hoạt động khác: - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và Hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và Hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	
48	MT48	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...		
49	MT49	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.		
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày				
50	MT50	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Hoạt động học: - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	
51	MT51	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.		
52	MT52	2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...		

53	MT53	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. Hoạt động khác: - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	
54	MT54	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.		
55	MT55	2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	
56	MT56	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và Hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Kể lại truyện đã được nghe. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	
57	MT57	2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	
58	MT58	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	

3. Làm quen với đọc, viết

59	MT59	3.1. Chọn sách để xem.	Hoạt động khác:	
60	MT60	3.3. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	
61	MT61	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	- Giữ gìn, bảo vệ sách. - ""Đọc"" truyện qua các tranh vẽ.	

IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

1. Thể hiện ý thức về bản thân

62	MT62	1.1. Nói được tên,	Hoạt động khác:	
----	------	--------------------	------------------------	--

		tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Sở thích, khả năng của bản thân.	
63	MT63	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.		
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực				
64	MT64	2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Hoạt động khác:	
65	MT65	2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh				
66	MT66	3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	Hoạt động khác:	
67	MT67	3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	
68	MT68	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. - Kính yêu Bác Hồ.	
69	MT69	3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	
70	MT70	3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.		
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội				

71	MT71	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	Hoạt động khác: - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	
72	MT72	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Phân biệt hành vi "đúng - sai, tốt xấu"	
73	MT73	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	
74	MT74	4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Quan tâm, giúp đỡ bạn. - Chờ đến lượt, hợp tác.	
75	MT75	4.5. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	
5. Quan tâm đến môi trường				
76	MT76	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Hoạt động khác:	
77	MT77	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Giữ gìn vệ sinh môi trường.	
78	MT78	5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Tiết kiệm điện, nước.	
79	MT79	5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ				
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật				
80	MT80	1.2. Chú ý nghe,	Hoạt động khác:	

		thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	- Bộ lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	
81	MT81	1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình				
82	MT82	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	Hoạt động khác: - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	
83	MT83	2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc	
84	MT84	2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. - Sử dụng các kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, bố cục	
85	MT85	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kĩ năng làm lồi, nổi, đục, bẻ, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. - Sử dụng các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	
86	MT86	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc,	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	

		bố cục.		
87	MT87	2.6. Làm lõm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.		
88	MT88	2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		
89	MT89	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.		
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)				
90	MT90	3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	Hoạt động học: - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. Hoạt động khác: - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	
91	MT91	3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.		
92	MT92	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.		
93	MT93	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.		

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC 2025– 2026

STT	CHỦ ĐỀ	CĐ NHÁNH	TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
-----	--------	----------	------	---------------------

1	Trường MN (3 Tuần)	Trường MN của bé. Lớp học của bé Đồ dùng đồ chơi	1 2 3	8- 12/9/2025 15- 19/9/2025 22-26/9/2025
2	Bản Thân (3T)	Cơ thể và các giác quan. Bé vui tết trung thu Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	4 5 6	29/9-3/10/2025 6- 10/10/2025 13- 17/10/2025
3	Gia đình của bé (3T)	Ngôi nhà của bé Những người thân yêu của bé Đồ dùng của gia đình bé	7 8 9	20 -24/10/2025 27- 31/10/2025 3 -7/11/2025
4	Nghề nghiệp và lễ hội 20/11 (4T)	Ba mẹ bé làm nghề gì? Cô giáo là mẹ hiền Ước mơ của bé Bé làm bác sĩ	10 11 12 13	10-14/11/2025 17- 21/11/2025 24- 28/11/2025 1- 5/12/2025
5	Giao thông (4T)	Biển báo GT và luật giao thông Phương tiện giao thông đường bộ Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam Phương tiện giao thông đường thủy đường hàng không	14 15 16 17	8- 12/12/2025 15-19/12/2025 22-26/12/2025 29/12-2/1/2026
6	Thực vật (4T)	Em yêu Cây xanh Bé thích loại quả nào Những bông hoa xinh Sắc màu rau củ	18 19 20 21	5- 9/1/2026 12-16/1/2026 19- 23/1/2026 26- 30/1/2026
7	Tết và mùa xuân (2T)	Mùa xuân của bé Bé vui đón tết	22 23	2-6/2/2026 9-13/2/2026
8	Động vật (5T)	Ngày hội bà, mẹ và cô giáo Một số con vật nuôi trong gia đình Những con vật trong rừng xanh	24 25	2-6/3/2026 9- 13/3/2026

		Động vật sống dưới nước	26	16-20/03/2026
		Côn trùng có ích – có hại	27	23- 27/3/2026
			28	30/3-3/4/2026
9	Hiện tượng thiên nhiên (4T)	Sự cần thiết của nước	29	6-10/4/2026
		Thời tiết và khí hậu	30	13-17/4/2026
		Ánh sáng không khí (ngày và đêm)	31	20-24/04/2026
		Mùa hè của bé	32	27/4-1/5/2026
10	Quê hương- Bác hồ (3T)	Đất nước Việt Nam	33	4-8/5/2026
		Bình Phước quê em	34	11-15/05/2026
		Mừng sinh nhật Bác Hồ	35	18-22/5/2026
Tổng cộng			35	

3. Điều chỉnh kế hoạch giáo dục năm và dự kiến các chủ đề trong năm của độ tuổi 5-6 tuổi (Khối Lá)

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục	
I. Giáo dục phát triển thể chất				
a) Phát triển vận động				
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp				
1	MT1	1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Hoạt động khác: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.	

			+ Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.	
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động				
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi nổi bàn chân tiến - lui - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi trên dây - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	Hoạt động học: - Đi trên dây(dây đặt trên sàn) - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) kê cao 0,3m. - Đi khuyu gối. - Đi bằng mép ngoài bàn chân. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi trên ghế thể dục(không làm rơi vật đang đội trên đầu) - Trẻ bật xa tối thiểu 50 cm - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 40 – 50 cm - Bật nhảy từ trên cao xuống (40 – 45 cm) - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô - Bật qua vật cản cao 15 – 20 cm	
3	MT3	2.2. Trẻ thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động bật và nhảy: - Trẻ bật xa tối thiểu	- Nhảy lò cò 5 m + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. + Chạy thay đổi tốc độ, hướng zíc zắc theo hiệu	

		50 cm - <i>Bật liên tục vào vòng</i> - <i>Bật xa 40 – 50 cm</i> - <i>Bật nhảy từ trên cao xuống (40 – 45 cm)</i> - <i>Bật tách chân, khép chân qua 7 ô</i> - <i>Bật qua vật cản cao 15 – 20 cm</i> - <i>Nhảy lò cò 5 m</i>	lệnh - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng 10 giây - Chạy nhanh 18m trong khoảng 5-7 giây - Chạy chậm khoảng 100 m – 120 m - Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian - Đi trên dây và ném xa bằng 1 tay - Bò chui qua cổng, ném trúng Đích thẳng đứng xa 2m - Chạy ziczac qua 5 -6 điểm, ném trúng đích nằm ngang	
4	MT4	2.3. Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). - Đi thay đổi tốc độ, hướng ziczac theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi tốc độ, hướng ziczac theo hiệu lệnh - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây - Chạy chậm khoảng 100m - 120 m - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian	Bật qua vật cản 15-20cm, đi ziczac qua 5-6 điểm - Chạy ziczac qua 5 -6 điểm, ném trúng đích nằm ngang - Bật liên tục qua 5 vòng, ném trúng đích bằng 1 tay - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát, trúng đích thẳng đứng xa 2m - Đi ziczac qua 5 điểm, lăn bóng vào rổ Hoạt động khác: + Ném xa bằng 1 tay + Ném trúng đích bằng 1 tay + Ném trúng đích bằng 2 tay. + Ném xa bằng 2 tay + Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). + Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). + Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp. + Chuyên bóng qua đầu qua chân	
5	MT5	2.4 Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay - ném trúng đích bằng 2 tay - Bắt và ném bóng với người đối diện (		

		khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp. - Chuyên bóng qua đầu qua chân		
6	MT6	2.5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Đi trên dây và ném xa bằng 1 tay - Bò chui qua cổng, ném trúng Đích thẳng đứng xa 2m - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. - Chạy ziczac qua 5 -6 điểm, ném trúng đích nằm ngang - Bật qua vật cản 15-20cm, đi ziczac qua 5-6 điểm		
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt				
7	MT7	3.1. Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	Hoạt động khác: - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung.	
8	MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép	- Tô, đồ theo nét. - Vẽ, cắt các đường vòng cung, hình vẽ - Vẽ và sao chép các chữ cái, chữ số - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Tự cài, cởi cúc áo - Xâu dây giày	

		các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).	- Cài quai dép - Kéo khóa (phéc mơ tuya)	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe				
9	MT9	1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	Hoạt động học: - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. Hoạt động khác: - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	
10	MT10	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	
11	MT11	1.3. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	
12	MT12	1.4. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.	

		gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.		
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt				
13	MT13	2.1. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong ăn uống	Hoạt động khác: - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	
14	MT14	2.2. Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.		
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe				
15	MT15	3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quả vật ngoài đường.	Hoạt động khác: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	
16	MT16	3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ		

		dậy. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.		
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh				
17	MT17	4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	Hoạt động khác: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	
18	MT18	4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.	- Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc, .. - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc là không tốt cho sức khỏe.	
19	MT19	4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc, - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ	- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	

		bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	
20	MT20	4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.		
21	MT21	4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...		
II. Giáo dục phát triển nhận thức				

a) Khám phá khoa học			
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng			
22	MT22	1.1. Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận...	Hoạt động học: - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.
23	MT23	1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
24	MT24	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Hoạt động khác: - Sự bốc hơi của nước
25	MT25	1.4. Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Sự cần thiết của không khí - Thí nghiệm Vật chìm- vật nổi. - Thí nghiệm Sự đổi màu của nước. - Thí nghiệm chất lỏng, rắn; chất hòa tan, không hòa tan. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
26	MT26	1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con

			vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận - Cây xanh cần gì để lớn lên và phát triển - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2- 3 dấu hiệu. - Phân loại một số phương tiện giao thông theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả theo 2- 3 dấu hiệu. - Phân loại con vật theo 2- 3 dấu hiệu.	
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản				
27	MT27	2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	Hoạt động khác: Trẻ giải quyết vấn đề đơn giản bằng nhiều cách khác nhau: Thỏa thuận với bạn để trao đổi đồ chơi; Biết hợp tác với bạn để hoàn thành nhiệm vụ. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau				
28	MT28	3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Hoạt động học: - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi	

			- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa; Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa Hoạt động khác: - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Biết sử dụng đồ dùng, đồ chơi đúng cách.	
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
1. Nhận biết số đếm, số lượng				
29	MT29	1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	Hoạt động học: - So sánh các nhóm đối tượng trong phạm vi 6 - So sánh các nhóm đối tượng trong phạm vi 7 - So sánh các nhóm đối tượng trong phạm vi 8	
30	MT30	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- So sánh các nhóm đối tượng trong phạm vi 9 - So sánh các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 - Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	
31	MT31	1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau. Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Đếm đến 6, nhận biết nhóm có 6 đối tượng, nhận biết chữ số 6	
32	MT32	1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và đếm.	- Đếm đến 7, nhận biết nhóm có 7 đối tượng, nhận biết chữ số 7 - Đếm đến 8 nhận biết nhóm có 8 đối tượng, nhận biết chữ số 8	
33	MT33	1.5. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Đếm đến 9, nhận biết nhóm có 9 đối tượng, nhận biết chữ số 9 Đếm đến 10, nhận biết nhóm có 10 đối tượng, nhận biết chữ số 10 - Ôn số lượng trong PV 5.	
34	MT34	1.6. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Hoạt động khác: - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng	

35	MT35	1.7. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...). - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.	
2. Sắp xếp theo qui tắc				
36	MT36	2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	Hoạt động khác: - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Tạo ra qui tắc sắp xếp.	
37	MT37	2.2. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.		
38	MT38	3. Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	Hoạt động học: - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài 1 đối tượng bằng 1 đơn vị đo - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo các đối tượng bằng một thước đo - Đo thể tích các vật bằng một đơn vị đo. So sánh và diễn đạt kết quả đo Hoạt động khác: - So sánh chiều cao 3 đối tượng và sắp xếp theo thứ tự tăng dần(hoặc giảm dần)	
4. Nhận biết hình dạng				
39	MT39	4. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác	Hoạt động học: - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối	

		nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. Hoạt động khác: - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	
--	--	--	--	--

5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian

40	MT40	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn; Định hướng trong không gian và định hướng thời gian	Hoạt động học: - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Trò chuyện về các mùa trong năm: tên gọi, đặc trưng, nói được thứ tự của các mùa.	
41	MT41	5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	Hoạt động khác: - Phía trái của bản thân trẻ, với bạn khác hoặc một vật nào đó làm chuẩn. - Phía trái của đối tượng khác - Kể tên các ngày trong tuần theo thứ tự, tên ngày đi học, ngày nghỉ, cho trẻ gắn thẻ lên bảng trực nhật: Hôm qua là..., hôm nay là..., ngày mai là..., trẻ gắn lịch lên bảng... Tập xem giờ trên đồng hồ - Xem giờ trên một số loại đồng hồ khác nhau. Nói tên ngày hôm qua, hôm nay, ngày mai. Kể những công việc đã, đang và sắp làm trong những ngày đó. Trò chuyện buổi sáng: thứ, ngày, tháng. Trẻ kể về những hoạt động trẻ làm ngày hôm qua. Kể những hoạt động trẻ làm trong ngày hôm nay. Đọc ngày tháng trên lịch quyền, lịch tờ. Làm đồng hồ.	

c) Khám phá xã hội

1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng

42	MT42	1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được	Hoạt động học: - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm	
----	------	---	--	--

		hỏi, trò chuyện.	non; công việc của các cô bác trong trường.	
43	MT43	1.2. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	
44	MT44	1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	
45	MT45	1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động khác: - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	
46	MT46	1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Trò chuyện về tình cảm của bé với các bạn trong lớp và bạn thân của bé - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	
47	MT47	1.6. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Nói địa chỉ gia đình mình(số nhà, đường phố/ thôn, xóm) số điện thoại(nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện. - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	

2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương

48	MT48	2. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	Hoạt động học: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Tìm hiểu về chú bộ đội - Thợ làm đầu - Kể tên những nghề mà trẻ biết - Trò chuyện về cô, chú Bác sỹ	
----	------	--	--	--

			- Trò chuyện về nghề bán hàng Hoạt động khác: - Công việc của bác sĩ chuyên khoa Tai – Mũi – Họng - Công việc của nhân viên siêu thị - Trò chuyện về công việc của cô, chú y tá - Trò chuyện về thái độ và cách giao tiếp của trẻ khi đi mua hàng. - Trò chuyện về ước mơ của trẻ	
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh				
49	MT49	3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.	Hoạt động học: - Trẻ nhận biết ngày Quốc khánh 2/9, 30/4 cả phố treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên, đi du lịch... - Trẻ nhận biết ngày tết trung thu bé được rước đèn phá cỗ,... Trẻ nhận biết ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 (các bạn nhỏ thi đua chăm ngoan học giỏi để ghi nhớ công ơn của thầy cô đã dạy dỗ, văn nghệ chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam...)	
50	MT50	3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Nhận biết ngày phụ quốc tế phụ nữ 8/3, ngày 22/12 - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. - Đất nước Việt nam tươi đẹp - Tết Nguyên Đán Hoạt động khác: Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. - Trò chuyện về những bức ảnh về cảnh đẹp, con người của đất nước mà trẻ mang đến. - Trò chuyện về những danh lam thắng cảnh đất nước Việt Nam. - Trò chuyện về những hiểu biết của trẻ về những phong tục của người Việt Nam - Trò chuyện về Biển đảo Việt Nam.	

			- Trò chuyện về Đảo Hoàng sa – Trường sa. - Thăm quan các làng nghề truyền thống, -Thăm quan tìm hiểu các danh lam thắng cảnh: Hồ Gươm, Phố cổ, Lăng Bác, Bảo tàng..	
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ				
1. Nghe hiểu lời nói				
51	MT51	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	Hoạt động học: - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Hoạt động khác: - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày				
52	MT52	2.1. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh, ...	Hoạt động học: - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Đọc biểu cảm thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	
53	MT53	2.2. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	Hoạt động khác: - Nghe hiểu nội dung các được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh....	
54	MT54	2.3. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...	Trả lời được các câu hỏi về nguyên nhân, - Đặt các câu hỏi “tại sao”, “như thế nào”... - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.	
55	MT55	2.4. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	Trả lời được các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?. - Trẻ kể chuyện theo đồ vật, theo tranh - Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự	

56	MT56	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	kiện... trong nội dung truyện Đóng kịch nhập vai vai của nhân vật trong truyện	
57	MT57	2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép; Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với tình huống, yêu cầu và hoàn cảnh giao tiếp. - Sử dụng giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	

3. Làm quen với đọc, viết

58	MT58	3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.	Hoạt động học: - Nhận dạng các chữ cái.	
59	MT59	3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	Hoạt động khác: - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.	
60	MT60	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với cách đọc sách (hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.	
61	MT61	3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Giữ gìn và bảo vệ sách Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, cấm lửa, biển báo giao thông	
62	MT62	3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	

IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

1. Thể hiện ý thức về bản thân

63	MT63	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm	Hoạt động học: - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia	
----	------	---	---	--

		được và việc gì bé không làm được.	đình và lớp học. - Quan tâm, yêu thích lễ hội tết trung thu, lễ hội bé đến trường....	
64	MT64	1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	Hoạt động khác: - Sở thích, khả năng của bản thân. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	
65	MT65	1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - biết giúp đỡ bố mẹ, cô giáo ,người lớp bằng 1 số công việc vừa sức	

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

66	MT66	6.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	Hoạt động khác: - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).	
		Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.		

3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh

67	MT67	3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	Hoạt động học: - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. Hoạt động khác: Trẻ Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ; Bày tỏ tình cảm phù hợp trong các tình huống giao tiếp khác nhau: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh ảnh; nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác	
68	MT68	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.		
69	MT69	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao	

		động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	tiếp khác nhau.	
70	MT70	3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Trẻ Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ; Bày tỏ tình cảm phù hợp trong các tình huống giao tiếp khác nhau: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh ảnh; nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác	
71	MT71	3.5. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Kính yêu Bác Hồ. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) như trên lớp học, trên ti vi... Kính yêu Bác Hồ; Cố gắng học tập tốt, ngoan ngoãn; Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác. - Biết về một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước như: lễ hội quả điều vàng ở Bình Phước, lăng Bác Hồ, tượng đài liệt sĩ... - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	

4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

72	MT72	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	Hoạt động khác: Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình, và nơi công cộng: sau khi chơi cất đồ chơi vào đúng nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng,, vâng lời ông bà, cha mẹ, muốn đi chơi phải xin phép; Trật tự khi ăn, ngủ; đi bên phải lề đường. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự, cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, phù hợp với hoàn cảnh, không ngắt lời người khác. Lắng nghe ý kiến của người khác, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn, quan tâm, giúp đỡ bạn. Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự, cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, phù hợp với hoàn cảnh, không ngắt lời người khác.	
73	MT73	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.		
74	MT74	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		
75	MT75	4.4. Biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận, biết chờ tới lượt..	
76	MT76	4.5. Biết lắng nghe ý	Biết tìm cách để giải quyết các mâu thuẫn(dung	

		kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	lời nói, nhờ sự can thiệp, của người khác, chấp nhận nhường nhịn) - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “ đúng” – “ sai”, “ tốt” – “ xấu”.	
77	MT77	4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Biết chờ đến lượt khi vui chơi, học tập, trong các hoạt động... Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn(dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn bạn, đoàn kết với bạn. - Biết tôn trọng, hợp tác, chấp nhận	

5. Quan tâm đến môi trường

78	MT78	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Hoạt động khác: - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	
79	MT79	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	Biết bỏ rác đúng nơi quy định, để giữ vệ sinh môi trường xanh, sạch đẹp, không bẻ cành, hái hoa	
80	MT80	5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	- - Nhận xét và tỏ thái độ, hành vi: đúng, sai, tốt, xấu... - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	
81	MT81	5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- ""sai"", ""tốt"" - ""xấu"". Biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	

V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

82	MT82	1.1. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu	Hoạt động khác: - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên,	
----	------	--	---	--

		sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình				
83	MT83	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	Hoạt động học: - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. Hoạt động khác: - Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức(vỗ tay theo các tiết tấu, múa). Hiện sắc thái phù hợp với bài hát, bản nhạc. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. Trẻ biết vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét, bố cục. - Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét, bố cục. 66. Trẻ phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối. - Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét, bố cục. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét, bố cục. biết cách Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	
84	MT84	2.2. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.		
85	MT85	2.3. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).		
86	MT86	2.4. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.		
87	MT87	2.5. Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		
88	MT88	2.6. Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		
89	MT89	2.7. Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.		

90	MT90	2.8. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		
91	MT91	2.9. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.		
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)				
92	MT92	3.1. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Hoạt động khác: - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.	
93	MT93	3.2. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.		

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	CHỦ ĐỀ	CD NHÁNH	TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Trường MN (2 Tuần)	Trường MN của bé. Lớp học thân yêu.	1 2	8-12/9/2025 15-19/9/2025
2	Bản Thân (3T)	Tôi là ai? Cơ thể của tôi Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh (CD Phát sinh: Bé vui tết trung thu 6/10)	3 4 5	22-26/9/2025 29/9-3/10/2025 6-10/10/2025
3	Gia đình của bé (4T)	Ngôi nhà của bé Những người thân yêu của bé Họ hàng gia đình bé Đồ dùng của gia đình bé	6 7 8 9	13-17/10/2025 20-24/10/2025 27-31/10/2025 3-7/11/2025
4	Nghề nghiệp (4T)	Những nghề dịch vụ bé biết Lễ hội cô giáo như mẹ hiền Nghề sản xuất Những nghề phổ biến quen thuộc	10 11 12 13	10-14/11/2025 17-21/11/2025 24-28/11/2025 1-5/12/2025

5	Động vật (4T)	Một số con vật nuôi trong gia đình	14	8-12/12/2025
		Những con vật trong rừng xanh	15	15-19/12/2025
		Các loài côn trùng và chim (CĐ phát sinh: Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12).	16	22-26/12/2025
		Động vật sống dưới nước	17	29/12-2/1/2026
6	Giao Thông (4T)	Bé học Luật giao thông	18	5-9/1/2026
		Phương tiện giao thông đường bộ	19	12-16/1/2026
		Phương tiện giao thông đường thủy	20	19-23/1/2026
		Phương tiện giao thông đường hàng không	21	26-30/1/2026
7	Tết và mùa xuân (2T)	Mùa xuân của bé	22	2-6/2/2026
		Bé vui đón tết	23	9-13/2/2026
8	Thực vật (4T)	Những bông hoa xinh(CĐ phát sinh: Ngày hội bà, mẹ và cô giáo 8/3).	24	2-6/3/2026
		Bé thích quả nào	25	9-13/3/2026
		Sắc màu rau củ	26	16-20/03/2026
		Cây Xanh quanh bé	27	23-27/3/2026
9	Hiện tượng thiên nhiên (4T)	Sự cần thiết của nước	28	30/3-3/4/2026
		Ngày và đêm	29	6-10/4/2026
		Một số hiện tượng Thời tiết	30	13-17/4/2026
		Mùa hè của bé	31	20-24/04/2026
10	Quê hương- Bác hồ (2T)	Đất nước Việt Nam	32	27/4-1/5/2026
		Bình Phước quê em	33	4-8/5/2026
11	Trường tiểu học (2T)	Bé chuẩn bị vào lớp 1	34	11-15/05/2026
		Trường tiểu học thân yêu (Phát sinh: Mừng sinh nhật Bác Hồ)	35	18-22/5/2026
Tổng cộng			35	

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các thành viên

1.1. Đối với hiệu trưởng

- Cùng với Ban giám hiệu, tổ trưởng tổ chuyên môn xây dựng dự thảo kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến của các thành viên trong nhà trường để hoàn thiện kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục trong nhà trường, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra nội bộ trường học.

- Tổ chức các hoạt động như: hội thi giáo viên dạy giỏi, tiếp tục lồng ghép chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, ... trong năm học.

- Phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

1.2. Đối với phó hiệu trưởng

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo Điều lệ trường mầm non

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.

- Duyệt tất cả các kế hoạch của tổ chuyên môn, của giáo viên, nhân viên. Tổ chức các hoạt động, các chuyên đề cấp trường trong năm học.

- Thực hiện các công việc mà hiệu trưởng phân công.

1.3. Tổ trưởng tổ chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm học của tổ chuyên môn.

- Tổ chức cho giáo viên trong tổ xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ, duyệt kế hoạch của giáo viên.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn 2 tuần 1 lần. Chú trọng việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động; đổi mới kiểm tra đánh giá. Tập trung vào việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

1.4. Đối với giáo viên

- Nghiên cứu kỹ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non.

- Xây dựng kế hoạch chăm sóc giáo dục phù hợp với phẩm chất, năng lực, nhu cầu, hứng thú của trẻ.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo lĩnh vực, lồng ghép, tích hợp giáo dục vệ sinh môi trường, ATGT, phòng chống TNNT, ...

- Kết hợp với nhà trường tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm thông qua ngày hội ngày lễ trong năm.

2. Công tác phối hợp với các bên liên quan

- Nhà trường tích cực chủ động tham mưu với lãnh đạo chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện tốt nhất để các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ em, các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt động của trường, lớp.

3. Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá

- Việc giám sát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học, kết hợp với hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng trường mầm non.

- Cán bộ quản lý thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ thường xuyên hàng ngày, hàng tuần thông qua dự giờ thăm lớp, kiểm tra hồ sơ chuyên môn của giáo viên, qua trẻ, cha mẹ trẻ, ... và tổ chức đánh giá thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường ít nhất 02 lần/năm học để điều chỉnh và bổ sung kịp thời.

- Làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, các thành viên trong ban kiểm tra nội bộ phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ.

- Mỗi giáo viên cần có thói quen tự kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của mình để có điều chỉnh và phản ánh kịp thời với tổ chuyên môn, Ban giám hiệu.

4. Chế độ thông tin báo cáo

- Tổ trưởng chuyên môn định kỳ báo cáo hiệu trưởng về tình hình của tổ, có các ý kiến tham mưu đề xuất kịp thời về các công việc có liên quan đến thực hiện đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường.

- Định kỳ báo cáo theo tuần, tháng, học kỳ để hiệu trưởng tổng hợp báo cáo cấp trên kịp thời.

Trên đây là Kế giáo dục năm học 2025 - 2026 của Trường Mầm non Hoa Đào. Kế hoạch được triển khai đến các bộ phận, các tổ chuyên môn và toàn thể giáo viên, nhân viên trong nhà trường thực hiện. Trên cơ sở này, các tổ chuyên môn và giáo viên cụ thể hóa, phát triển và xây dựng kế hoạch giáo dục của lớp phù hợp với đặc điểm tình hình và khả năng của trẻ. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phản ánh kịp thời về phụ trách chuyên môn giáo dục của nhà trường để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- Ban giám hiệu nhà trường;
- Các tổ chuyên môn;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thu Thủy

